

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE BẰNG Y HỌC CỔ TRUYỀN TẠI CÁC CƠ SỞ Y TẾ TƯ NHÂN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH QUẢNG NINH

PH M V KHÁNH
B Y t

T V N

Quảng Ninh là tỉnh miền núi duyên hải thu hẹp vùng đồng bằng ven biển, 4/5 diện tích là địa hình đồi núi, tập trung phía bắc, 1/5 diện tích phía đông Nam tỉnh thu hẹp bằng sông Hồng. Có 21 thành phố dân tộc sống trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, trong đó có 6 dân tộc chủ yếu là Kinh, Dao, Tày, Sán Dìu, Sán Ch, Hoa. Do đặc thù về địa hình và thành phần dân tộc nên hoạt động chăm sóc sức khỏe bằng y học cổ truyền (YHCT) tại các cơ sở y tế tư nhân YHCT tỉnh Quảng Ninh có những đặc điểm riêng biệt. Vì vậy, chúng tôi tiến hành tài liệu về đề tài: *ánh giá thực trạng hoạt động chăm sóc sức khỏe bằng YHCT tại các cơ sở y tế tư nhân YHCT tỉnh Quảng Ninh.*

1. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

1.1. Mục đích nghiên cứu.

36 người hành nghề y tế tư nhân YHCT tại các địa phương nghiên cứu của tỉnh Quảng Ninh.

1.2. Phạm vi nghiên cứu.

Một cộng đồng, kết quả nghiên cứu định lượng và định tính.

- định lượng: thu thập thông tin qua phiếu phỏng vấn có sẵn.

- định tính: thu thập thông tin bằng phỏng vấn pháp phỏng vấn sâu những người hành nghề y tế tư nhân YHCT.

Đối tượng phân loại mục đích nghiên cứu của hành nghề y tế tư nhân YHCT, chúng tôi sử dụng và tham khảo các tài liệu: danh mục thủ tục quy định của Bộ Y tế, một số tài liệu nghiên cứu về YHCT...

Chúng tôi phân loại định tính và kết quả thực hiện làm 3 loại theo thang điểm 10 như sau:

- Loại A: T 8 - 10 điểm (Khá, giỏi)
- Loại B: T 5 - 7 điểm (Trung bình)
- Loại C: T 0 - 4 điểm (Yếu)

1.3. Thời gian nghiên cứu: năm 2006.

1.4. Địa điểm nghiên cứu: các huyện thành phố là: Yên Hưng, Hoàn Kiếm và thành phố Hạ Long. Các xã/phường thành phố là Hà An, Sơn Động, Công Hoà, Triều陽, Cao Xanh, Lê Lợi, Cao Thắng, Quảng Yên, Yên Tử.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1.1. Đặc điểm nghiên cứu.

Bảng 1. Trình độ các nhà nghiên cứu (n = 36)

Trình độ	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Cấp 2	6	16,7
Cấp 3	21	58,3
Trung cấp	1	2,8
Chỉ có, sau khi học	8	22,2

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cấp 2	6	16,7
Cấp 3	21	58,3
Trung cấp	1	2,8
Chỉ có, sau khi học	8	22,2

Trình độ hành nghề y tế tư nhân YHCT chủ yếu là cấp 3 (58,3%). Số người có bằng chỉ có sau khi học YHCT ít (22,2%).

Bảng 2. Đào tạo chuyên ngành YHCT của các nhà nghiên cứu (n = 36)

TT	Tên bệnh nhân	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Đào tạo chuyên ngành YHCT	35	97,2	
	Chỉ học	1	2,8	
2	Nhà đào tạo YHCT (có nhu cầu trợ lý)	Trợ lý	5	13,9
		Thầy thuốc	25	69,4
		Chuyên ngành	4	11,1
		Giáo sư	9	25,0
		Khác	0	0
3	Về bệnh, chuyên ngành YHCT	Bệnh	5	13,9
		Chẩn đoán	29	80,6
		Không có	2	5,5
		Khác	0	0

Có 97,2% người hành nghề y tế tư nhân YHCT đã học qua các khóa đào tạo về YHCT, chỉ có 2,8% chỉ học.

Trong số những người học về YHCT, có 69,4% học qua các lớp thầy thuốc về YHCT của các trường y; 25% có ngành giáo sư; 13,9% học chuyên ngành YHCT tại các trường y; 11,1% học ngành chuyên ngành YHCT sau khi đã học các khoa học các chuyên ngành khác tại trường y.

Bảng 3. Giấy phép hành nghề y tế tư nhân YHCT

Giấy phép hành nghề y tế tư nhân YHCT	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có	33	91,7
Không	3	8,3

Trong số những người hành nghề y tế tư nhân YHCT tại tỉnh Quảng Ninh tham gia trợ lý phỏng vấn điều tra, có 91,7% người có giấy phép hành nghề y tế tư nhân YHCT, 8,3% không có giấy phép hành nghề y tế tư nhân YHCT.

2. Kỹ thuật vẽ YHCT.

Bảng 4. Kỹ thuật vẽ YHCT cá nhân YHCT (n = 50)

Kỹ thuật vẽ	Thu hoạch YHCT				Phương pháp không dùng thu hoạch	
	Chi phí		Nghỉ ngơi		n	%
	n	%	n	%		
Loại A	7	19,45	9	25,0	14	38,9
Loại B	7	19,45	7	19,4	9	25,0
Loại C	22	61,1	20	55,6	13	36,1

Nhìn chung kỹ thuật vẽ các YHCT của các kỹ thuật nhân YHCT như sau: kỹ thuật vẽ các bài thu hoạch chi phí loại A: 19,45%, loại C: 61,1%; kỹ thuật vẽ các bài nghỉ ngơi loại A: 25%; kỹ thuật vẽ các bài phương pháp không dùng thu hoạch loại A: 38,9% và loại C: 36,1%.

3. Thời gian các phương pháp YHCT cá nhân trong nội dung.

Bảng 5. Thời gian các phương pháp YHCT cá nhân trong nội dung của các kỹ thuật nhân YHCT (có nội dung câu trả lời; n = 36)

Phương pháp	Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)
Thu hoạch YHCT	36	100
Chăm sóc	24	66,7
Xoa bóp - bấm huyệt	24	66,7
Các phương pháp nội dung khác	8	22,2

100% các kỹ thuật nhân YHCT sử dụng thu hoạch YHCT trong nội dung; 66,7% các kỹ thuật sử dụng phương pháp chăm sóc và xoa bóp - bấm huyệt; 22,2% các kỹ thuật sử dụng các phương pháp nội dung khác như: châm cứu, giác hơi...

4. Thu hoạch YHCT.

Bảng 6. Nguồn cung cấp thu hoạch YHCT (có nội dung câu trả lời; n = 36)

Nguồn cung cấp	Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)
Tự trồng	9	25,0
Mua giống từ các nông dân	23	63,9
Tự kiếm	16	44,4
Mua giống	10	27,8
Mua nhà bảo hộ thu hoạch	6	16,7

63,9% nguồn cung cấp thu hoạch là từ các hàng bán thu hoạch nông sản; 44,4% do thu hái từ nguồn tự nhiên; 27,8% mua giống; 25% tự trồng và 16,7% từ các nhà bảo hộ thu hoạch.

Bảng 7. Dụng cụ thu hoạch YHCT thường dùng trong nội dung (có nội dung câu trả lời; n = 36)

Dụng cụ	Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)
Thu hoạch bằng tay	36	100
Thu hoạch bằng dao	0	0
Thu hoạch bằng cào	6	16,7
Thu hoạch bằng máy	7	19,4
Thu hoạch bằng rơm	4	11,1
Thu hoạch bằng máy, cào	0	0

100% các kỹ thuật nhân sử dụng dụng cụ để thu hoạch sản phẩm, sau đó thu hoạch (19,4%), thu hoạch (16,7%), thu hoạch (11,1%), không sử dụng dụng cụ để thu hoạch, thu hoạch bằng tay.

Bảng 8. Thời gian bảo hộ thu hoạch YHCT (n = 36)

Thời gian bảo hộ thu hoạch YHCT	Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)
Có	31	86,1
Không	5	13,9

Có 86,1% các kỹ thuật nhân YHCT thực hiện bảo hộ thu hoạch; 13,9% không thực hiện bảo hộ mà mua từ các nhà bảo hộ khác.

BÀN LUẬN

Qua kết quả điều tra cho thấy: trình độ của nhân viên hành nghề kỹ thuật nhân YHCT chủ yếu là cấp 3 (58,3%); số lượng có bằng cấp cho các cấp độ YHCT ít (22,2%); mức số lượng học tập cấp 2 (16,7%), nhân viên này vẫn còn thiếu, gia đình có nghề YHCT từ lâu, vẫn chưa có bằng cấp và chứng chỉ hành nghề.

Có 97,2% nhân viên hành nghề kỹ thuật nhân YHCT đã học qua các khóa đào tạo YHCT. Trong số nhân viên học đào tạo YHCT, có 69,4% học qua các lớp phụ vụ YHCT của các phòng y học; 25% có nghề gia truyền; 13,9% học chuyên ngành YHCT từ các trường y; 11,1% học nghề chuyên khoa YHCT sau khi đã học các chuyên ngành khác từ trường y. Số nhân viên hành nghề kỹ thuật nhân YHCT đã học qua các trường y là cán bộ các bệnh viện, trạm y tế, phòng khám tư nhân ngoài địa phương hành chính. Nhìn vào kết quả trên cho thấy: mức độ trình độ của nhân viên hành nghề kỹ thuật nhân YHCT của tỉnh Quảng Ninh còn thấp. Đây là tình trạng đáng lo ngại, vì trình độ kỹ thuật nhân viên và thực hành kỹ thuật chuyên môn là khó khăn. Vì vậy cần nâng cao nhà sản xuất các kỹ thuật nhân này còn nhiều bất cập, vì vậy phải có những biện pháp chuyển đổi và chuyển đổi kỹ thuật nhân viên thu hoạch trong lĩnh vực này.

Trong số nhân viên hành nghề kỹ thuật nhân YHCT từ tỉnh Quảng Ninh tham gia trả lời phỏng vấn điều tra, có 91,7% nhân viên có giấy phép hành nghề kỹ thuật nhân YHCT, 8,3% không có giấy phép hành nghề kỹ thuật nhân YHCT. Như vậy, có thể nói: công tác quản lý hành nghề kỹ thuật nhân của tỉnh Quảng Ninh cần tiến hành khác biệt. Tuy nhiên, vẫn có một số nhân viên hành nghề kỹ thuật nhân YHCT

ch a có gi y phép hành ngh , ó h u h t là nh ng ng i các vùng sâu, vùng xa ã c h c qua các kĩ n th c v YHCT, ho t ng m t cách t phát. ây là i t ng c n c các nhà qu n lý quan tâm vì nh ng ki n th c h có c dùng ch a b nh a s là nh ng ki n th c thu l m, không h th ng, có th gây ra nh ng tai bi n nguy hi m cho ng i dân trong quá trình i u tr .

Nhìn chung ki n th c s d ng YHCT t i các c s y t t nhân YHCT u th p. Ki n th c s d ng bài thu c c ph ng, các ph ng pháp không dùng thu c YHCT lo i A ch y u t p trung nh ng ng i ã c h c chuyên khoa YHCT t i các tr ng y. Ki n th c s d ng các bài thu c nghi m ph ng lo i A ch y u t p trung vào các i t ng gia ình có ngh YHCT lâu i. Ki n th c lo i C chi m t l cao, c bi t là ki n th c v s d ng các bài thu c c ph ng (61,1%). T ây cho th y nh u c u c ào t o ki n th c y h c hi n i c ng nh ki n th c YHCT ph thông là r t c n thi t, i u này s giúp cho các l ng y tham gia có hi u qu trong ho t ng CSSKC a ph ng.

V t l các ph ng pháp YHCT c s d ng trong i u tr t i các c s y t t nhân YHCT: 100% các c s y t t nhân YHCT s d ng thu c YHCT trong i u tr ; 66,7% các c s dùng ph ng pháp châm c u và xoa bóp - b m huy t; 22,2% c s dùng các ph ng pháp i u tr khác nh : ch m nóng, giác h i... Nh v y, thu c YHCT v n là ph ng pháp i u tr l a ch n c a th y thu c c ng nh ng i b nh. t n d ng m t cách có hi u qu các ph ng pháp i u tr c a y h c c truy n trong CSSK, c n có s tuyên truy n v tác d ng i u tr mà các ph ng pháp không dùng thu c YHCT em l i; c n có các khoá t p hu n, nâng cao trình th ng xuyên v các ph ng pháp không dùng thu c YHCT cho nh ng ng i hành ngh y d c t nhân, c bi t là nh ng ng i ch a qua ào t o các tr ng y.

V thu c YHCT c dùng t i các c s y t t nhân YHCT:

- Ngu n cung c p thu c: do Qu ng Ninh là m t t nh mi n núi duyên h i phía b c nên ngu n cung c p thu c YHCT c ng có nh ng c thù nh t nh. Ngoài vi c mua thu c i lý thu c s ng, còn có m t t l l n các thu c có c do t ki m (44,4%), mua ch (27,8%), t tr ng (25%).

- D ng thu c c s d ng nh i u nh t là d ng thang s c u ng (100%), ngoài ra còn có m t t l nh thu c tán (19,4%), thu c hoàn (16,7%), thu c ngâm r u (11,1%).

- Có 86,1% c s hành ngh y t t nhân YHCT t bào ch thu c.

Nh v y, cùng v i s h n ch v ki n th c YHCT, vi ct cung c p, t bào ch thu c c a các c s y t t nhân YHCT c a t nh Qu ng Ninh là m t v n c n quan tâm. ây là m t i m áng l u ý i v i các nhà qu n lý h n ch n m c th p nh t nh ng nh h ng n s c kh e ng i dân trong quá

trình ch m sóc s c kh e và i u tr b nh.

K T L U N

1. Trình c a nh ng ng i hành ngh y t t nhân YHCT c a t nh Qu ng Ninh còn th p.

2. Ki n th c s d ng YHCT t i các c s y t t nhân YHCT th p.

3. Các ph ng pháp YHCT th ng dùng trong CSSK và i u tr: ch y u là dùng thu c, các ph ng pháp i u tr không dùng thu c YHCT c s d ng ít h n.

4. V thu c YHCT.

- Các c a hàng bán thu c s ng là ngu n cung c p thu c ch y u; ngoài ra còn có m t t l l n các thu c có c do t ki m (44,4%), mua ch (27,8%), t tr ng (25%).

- D ng thu c ch y u là thang s c u ng, ngoài ra còn có thu c hoàn, tán, ngâm r u...

SUMMARY

Research target: appraising traditional medicine using in public healthcare of private traditional medicine business in Quangninh province.

Method: cross-sectional descriptive study with quantitative and qualitative studies.

Objects: 36 people conducting private traditional medicine business at investigated areas of Quangninh province.

Results:

- Knowledge and traditional medicines using qualifications of health agents in public healthcare at Quangninh province are still low.

- The rate of therapies of traditional medicines used in healthcare and treatment: highest are traditional drug methods, lower are non-drug methods.

- About traditional drugs:

+ Main suppliers are raw drug stores ; besides, almost of drug used at private traditional medicine business are gained or growed by their own (44,4% and 25%) and bought at open markets (27,8%).

+ Types of traditional medicine often used for treatment: mainly are the ones which are boiled and extracted for drinking, besides are medicines in pills and powder, medicines in alcohol, etc, ...

Keywords: traditional medicine, public healthcare

TÀI LI U THAM KH O

1. B Y t (1993), *Tài li u h i th o ánh giá v t ch c ch o a YHCT vào CSSK c ng ng*, Hà N i 24 –26/8/1993.

2. B Y t (2005), *Danh m c thu c thi t y u YHCT*

3. Phan Th Hoa (2004), *ánh giá ki n th c, thái , hành vi s d ng YHCT c a ng i dân t nh Ninh Bình*, Lu n v n t t nghi p th c s YHCT, i h c Y Hà N i.

4. Ngô Huy Minh (2002), *Th c tr ng s d ng YHCT c a ng i dân huy n L ng S n, t nh Hoà Bình*, Lu n v n th c s Y t công c ng, tr ng Cán b qu n lý y t .

5. Ngh quy t 46 B chính tr (2005) v “*Công tác b o v và nâng cao s c kho nhân dân trong tình hình m i*.”

